

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/06/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các đơn vị thuộc Bộ (để thực hiện);
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC:2b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Minh Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGDĐT ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC/Dịch vụ công	Đơn vị chủ trì
I. Lĩnh vực giáo dục dân tộc			
1	1.002196	Chấp thuận việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên	Vụ Giáo dục Dân tộc
II. Lĩnh vực giáo dục đại học			
1	1.001975	Đổi tên cơ sở giáo dục đại học	Vụ Tổ chức cán bộ
2	1.008648	Chuyển trường đại học thành đại học	Vụ Tổ chức cán bộ
3	1.008650	Liên kết các trường đại học thành đại học	Vụ Tổ chức cán bộ
4	1.001982	Chuyển đổi cơ sở giáo dục đại học tư thực sang cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Vụ Tổ chức cán bộ
5	1.010900	Mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ	Vụ Giáo dục Đại học
III. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp			
1	2.001968	Thành lập trường cao đẳng sư phạm công lập hoặc cho phép thành lập trường cao đẳng sư phạm tư thực	Vụ Giáo dục Đại học
2	2.001969	Sáp nhập, chia, tách trường cao đẳng sư phạm	Vụ Giáo dục Đại học

STT	Mã TTHC	Tên TTHC/Dịch vụ công	Đơn vị chủ trì
3	2.001970	Giải thể trường cao đẳng sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	Vụ Giáo dục Đại học
4	1.005051	Thành lập phân hiệu trường cao đẳng sư phạm công lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường cao đẳng sư phạm tư thục	Vụ Giáo dục Đại học
5	2.001981	Giải thể phân hiệu trường cao đẳng sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu)	Vụ Giáo dục Đại học
IV. Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài			
1	2.000478	Cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Vụ Tổ chức cán bộ
2	2.000307	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Vụ Tổ chức cán bộ
3	2.000466	Giải thể cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Vụ Tổ chức cán bộ
4	2.000545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	Vụ Tổ chức cán bộ
5	1.008720	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Vụ Tổ chức cán bộ
6	1.008721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Vụ Tổ chức cán bộ
7	2.000462	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên	Vụ Tổ chức cán bộ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC/Dịch vụ công	Đơn vị chủ trì
		Chính phủ thành lập; phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	
8	2.000562	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Vụ Giáo dục Đại học
9	1.001127	Gia hạn, điều chỉnh, hoạt động liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Vụ Giáo dục Đại học
10	2.000683	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ theo đề nghị của các bên liên kết	Vụ Giáo dục Đại học
11	1.002499	Tiếp nhận du học sinh học bổng ngân sách nhà nước tốt nghiệp về nước	Cục Hợp tác quốc tế
12	1.001694	Cử đi học nước ngoài	Cục Hợp tác quốc tế
13	1.002543	Gia hạn thời gian học tập ở nước ngoài	Cục Hợp tác quốc tế
14	1.010627	Chuyên ngành, chuyên trường, chuyên nước đến học	Cục Hợp tác quốc tế
15	1.010628	Tạm dừng học và điều chỉnh thời gian học tập	Cục Hợp tác quốc tế
16	2.000729	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Cục Quản lý chất lượng
17	2.000691	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Cục Quản lý chất lượng
18	2.000688	Chấm dứt, liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Cục Quản lý chất lượng
V. Lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục			
1	1.005022	Thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công lập, cho phép thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tư thục	Vụ Tổ chức cán bộ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC/Dịch vụ công	Đơn vị chủ trì
2	2.001964	Giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân)	Vụ Tổ chức cán bộ
3	1.001948	Đổi tên tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục	Vụ Tổ chức cán bộ
4	1.005020	Cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục	Cục Quản lý chất lượng
5	1.005016	Cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trở lại	Cục Quản lý chất lượng
6	1.005009	Gia hạn giấy phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục	Cục Quản lý chất lượng
7	1.010024	Điều chỉnh, bổ sung đối tượng, phạm vi hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục	Cục Quản lý chất lượng
8	1.001955	Cấp thẻ Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục	Cục Quản lý chất lượng
9	1.001951	Cấp lại thẻ Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục	Cục Quản lý chất lượng
10	2.001967	Công nhận tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động ở Việt Nam	Cục Quản lý chất lượng
11	1.005019	Điều chỉnh, bổ sung đối tượng, phạm vi hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động ở Việt Nam	Cục Quản lý chất lượng
VI. Lĩnh vực thi, tuyển sinh			
1	1.001942	Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non	Vụ Giáo dục Đại học
2	1.005086	Tuyển sinh công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập bằng học bổng ngân sách nhà nước	Cục Hợp tác quốc tế
3	1.005142	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Cục Quản lý chất lượng

STT	Mã TTHC	Tên TTHC/Dịch vụ công	Đơn vị chủ trì
VII. Lĩnh vực hệ thống văn bằng, chứng chỉ			
1	1.000915	Công nhận bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và văn bằng trình độ tương đương do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Cục Quản lý chất lượng

Danh mục trên gồm 44 dịch vụ công trực tuyến toàn trình./